

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2026
“V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Trang

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thuý Hằng

Bà Đặng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoà - Thư ký Toà án nhân dân khu vực - Quảng Trị

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Long - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 192/2025/TLST - HNGĐ ngày 10/11/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/4/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 101/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thùy L, sinh ngày 21/5/1992; số CCCD: 044192005707; thường trú tại: Thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Trị; chỗ ở hiện tại: Thôn Q, xã B, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh ngày 22/7/1984; số CMND: 194291395; HKTT: Thôn A, xã Đ, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ hiện tại: Đà Loan, vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thùy L trình bày: Chị và anh Trần Quốc H tìm hiểu và đã quyết định chung sống với nhau, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 14/01/2016. Thời gian đầu kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2021 trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng vì quá khác biệt về suy nghĩ, lối sống, hơn nữa chúng tôi sống và làm việc xa nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, lâu dần chúng tôi không còn nói chuyện với nhau, sống ly thân cho đến hiện tại. Nay chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn

gắn được tình cảm, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Quốc H để sớm ổn định được cuộc sống của bản thân.

Quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên là Trần Lê Gia B, sinh ngày 10/7/2016. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn mong muốn được nuôi con để bảo đảm môi trường sống và học tập không bị thay đổi và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Trương Quốc H1 thông qua người thân anh H1 là bà Phan Thị L1 - Mẹ đẻ anh H1, bà L1 cho biết anh H1 và chị L đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi anh H1 và chị L đi xuất khẩu lao động thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không rõ, anh H1 cũng liên lạc về với bố mẹ để thông báo việc chị L xin ly hôn. Quá trình chung sống anh H1 và chị L có 01 con chung hiện đang sống cùng mẹ. Theo bà được biết anh H1 và chị L quá trình chung sống không có tài sản chung hay nợ chung gì. Anh H1 hiện đang xuất khẩu lao động tại Đài Loan đến nay không về, bà không biết được địa chỉ cụ thể của anh H1. Tuy nhiên, bà đã nhận được các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh H1 và đã thông báo cho anh H1 biết nhưng do đi làm ăn tại Đài Loan nên không thể tới Tòa án trình bày quan điểm, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh H1. Anh H1 không gửi văn bản trình bày ý kiến về cho Tòa án và cũng không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay tại nước ngoài.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND Khu vực 1 phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Các Điều 28, 35, 227, 228, 238, 273, 464, 469 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Trần Quốc H; về con chung: Giao 01 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 10/7/2016 cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị L không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên anh H không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí buộc chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại công văn số 2207/PA08-Đ1, ngày 12/11/2025 của Phòng Q1 Công an tỉnh Q về cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của Trần Quốc H đã xuất cảnh ngày 20/7/2023, không thấy thông tin nhập cảnh trên hệ thống. Theo thông tin người nhà anh H cho biết hiện tại anh đang lao động tại Đài Loan. Chị L không cung cấp được địa chỉ cư trú của anh H ở nước ngoài. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh H đang ở nước ngoài, do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35, Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Theo Công văn số 253/TANDTC-PC, ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ và Nghị Q số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, Toà án nhân dân Khu vực 1 đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân, địa chỉ của anh Trần Quốc H qua bà Phan Thị L1 là mẹ của anh H. Bà L1 không cung cấp địa chỉ hiện tại của anh H tại nước ngoài. Toà án gửi công văn đề nghị ban Đ đăng thông tin cho anh H. Đ đã đăng thông tin cho anh H trong 3 ngày liên tiếp từ ngày 30, 31/12/2025 và 01/01/2026 nhưng anh H không có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án. Ngày 28/4/2026, Toà án mở phiên toà lần thứ nhất, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, anh H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt chị L, anh H theo quy định tại Điều 228, Điều 238, Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H đăng ký kết hôn ngày 14/01/2016 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình (nay là xã B, tỉnh Quảng Trị). Việc kết hôn có tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, tuân thủ quy định Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của chị L hiện vợ chồng mâu thuẫn, không còn tình cảm, không quan tâm lẫn nhau, sống ly thân từ năm 2021 đến nay nên đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành xác minh qua thân nhân của anh H, tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị L1 (mẹ anh H), đăng thông tin cho anh H trên phương tiện thông tin đại chúng, nhưng anh H không có mặt tại Toà án theo giấy báo cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến cho Toà án. Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn”. Do đó, chị L có quyền yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh H. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chung thủy, chăm sóc, giúp đỡ, yêu thương lẫn nhau. Nhưng chị L không còn tình cảm với anh H, vợ chồng sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm nhau. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị L xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn với anh Trần Quốc H.

[2.2] Con chung: Quá trình chung sống chị L và anh H có 01 con chung là Trần Lê Gia B, sinh ngày 10/7/2016. Chị L có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu B sống với mẹ từ lúc vợ chồng ly thân, nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Anh H hiện đang ở nước ngoài, quá trình giải quyết vụ án anh không cung cấp lời khai do đó, căn cứ quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, cần giao cháu B cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị Thùy L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[2.4] Về chi phí tố tụng : Chị Lê Thị Thùy L tự nguyện chịu 2.250.000 đồng chi phí đăng tin VOV5.

[2.5] Về án phí: Chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.6] Về quyền kháng cáo : Chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Quốc H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 238, 273, 469, khoản 2 Điều 477, 479 và 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Lê Thị Thùy L và anh Trần Quốc H.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thùy L, xử cho chị Lê Thị Thùy L được ly hôn anh Trần Quốc H.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Trần Lê Gia B, sinh ngày 10/7/2016 cho chị Lê Thị Thùy L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và khẳng định có đủ khả năng tự nuôi con một mình.

Sau khi ly hôn, anh Trần Quốc H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

5. Về chi phí tố tụng: Chị Lê Thị Thùy L tự nguyện chịu 2.250.000 đồng chi phí đăng tin VOV5. Chị L đã nộp đủ.

6. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Thùy L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0001611 ngày 07/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị L đã nộp đủ.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Thùy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết. Bị đơn anh Trần Quốc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Khu vực 1;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Bắc Trạch;
- Số GCNKH: 02 ngày 14/01/2016;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mỹ Trang